

## Bài 37 & 38: CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA QUẦN THỂ SINH VẬT

**Câu 1. Khi các yếu tố của môi trường sống phân bố không đều và các cá thể trong quần thể có tập tính sống thành bầy đàn thì kiểu phân bố của các cá thể trong quần thể này là**

- A. phân bố đồng đều
- B. không xác định được kiểu phân bố
- C. phân bố theo nhóm
- D. phân bố ngẫu nhiên

**Câu 2. Kiểu phân bố ngẫu nhiên của các cá thể trong quần thể thường gặp khi**

- A. điều kiện sống phân bố không đồng đều, không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể
- B. điều kiện sống phân bố không đồng đều, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể
- C. điều kiện sống phân bố đồng đều, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể
- D. điều kiện sống phân bố đồng đều, không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể

**Câu 3. Phát biểu nào sau đây là đúng về sự tăng trưởng của quần thể sinh vật?**

- A. khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn nhỏ hơn mức tử vong
- B. khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn lớn hơn mức tử vong
- C. khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể là tối đa, mức tử vong là tối thiểu
- D. khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn tối đa, mức tử vong luôn tối thiểu

**Câu 4. Các dấu hiệu đặc trưng cơ bản của quần thể là**

- A. cấu trúc giới tính, cấu trúc tuổi, sự phân bố cá thể, mật độ cá thể, kích thước quần thể, kiểu tăng trưởng
- B. sự phân bố cá thể, mật độ cá thể, sức sinh sản, sự tử vong, kiểu tăng trưởng
- C. cấu trúc giới tính, cấu trúc tuổi, sự phân bố cá thể, sức sinh sản, sự tử vong
- D. độ nhiều, sự phân bố cá thể, mật độ cá thể, sức sinh sản, sự tử vong, kiểu tăng trưởng

**Câu 5. Điều không đúng khi kết luận mật độ quần thể được coi là một trong những đặc tính cơ bản của quần thể vì mật độ có ảnh hưởng tới**

- A. mức độ sử dụng nguồn sống trong sinh cảnh và tác động của loài đó trong quần xã
- B. mức độ lan truyền của vật kí sinh
- C. tần số gặp nhau giữa các cá thể trong mùa sinh sản
- D. các cá thể trưởng thành

**Câu 6. Mật độ cá thể trong quần thể là nhân tố điều chỉnh**

- A. cấu trúc tuổi của quần thể
- B. kiểu phân bố cá thể của quần thể

C. sức sinh sản và mức độ tử vong các cá thể trong quần thể

D. mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể

**Câu 7. Trạng thái cân bằng của quần thể là trạng thái số lượng cá thể ổn định do**

A. sức sinh sản giảm, sự tử vong giảm

B. sức sinh sản tăng, sự tử vong giảm

C. sức sinh sản giảm, sự tử vong tăng

D. sự tương quan giữa tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử

**Câu 8. Những nguyên nhân làm cho kích thước của quần thể thay đổi là**

A. mức sinh sản

B. mức tử vong

C. mức nhập cư và xuất cư

D. cả A, B, và C

**Câu 9. Trong quá trình tiến hóa, các loài đều hướng tới việc tăng mức sống sót bằng các cách, trừ**

A. tăng tần số giao phối giữa các cá thể đực và cái

B. chuyển từ kiểu thụ tinh ngoài sang thụ tinh trong

C. chăm sóc trứng và con non

D. đẻ con và nuôi con bằng sữa

**Câu 10. Mật độ cá thể trong quần thể không có ảnh hưởng tới đặc trưng nào dưới đây?**

A. khả năng sinh sản

B. tỉ lệ tử vong

C. tỉ lệ sống sót

D. tỉ lệ giới tính

**Câu 11. Tỉ lệ giới tính thay đổi và không chịu ảnh hưởng của yếu tố nào?**

A. điều kiện dinh dưỡng

B. điều kiện sống của môi trường

C. mùa sinh sản, đặc điểm sinh sản, sinh lí và tập tính của sinh vật

D. mật độ cá thể của quần thể

**Câu 12. Mật độ cá thể trong quần thể là**

A. số lượng cá thể trên một đơn vị diện tích của quần thể

B. số lượng cá thể trên một đơn vị thể tích của quần thể

C. số lượng cá thể trên một đơn vị diện tích hay thể tích của quần thể

D. khối lượng cá thể trên một đơn vị diện tích hay thể tích của quần thể

**Câu 13. Ý nghĩa sinh thái của phân bố theo nhóm là**

A. các cá thể hỗ trợ lẫn nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường

B. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể

C. sinh vật tận dụng được nguồn sống tiềm tàng trong môi trường

D. làm tăng mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể

**Câu 14. Trong tháp tuổi của quần thể trẻ có**

A. nhóm tuổi trước sinh sản bé hơn các nhóm tuổi còn lại

- B. nhóm tuổi trước sinh sản chỉ lớn hơn nhóm tuổi sau sinh sản
- C. nhóm tuổi trước sinh sản lớn hơn các nhóm tuổi còn lại
- D. nhóm tuổi trước sinh sản bằng các nhóm tuổi còn lại

**Câu 15. Phân bố đều cá thể trong quần thể là**

- A. dạng ít gặp trong tự nhiên, chỉ xuất hiện trong điều kiện môi trường không đồng nhất, các cá thể có tính lãnh thổ cao
- B. dạng thường gặp trong tự nhiên, chỉ xuất hiện trong điều kiện môi trường đồng nhất, các cá thể có tính lãnh thổ cao
- C. dạng ít gặp trong tự nhiên, chỉ xuất hiện trong điều kiện môi trường đồng nhất, các cá thể có tính lãnh thổ cao
- D. thường gặp khi điều kiện môi trường đồng nhất và khi có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể

**Câu 16. Mật độ cá thể có ảnh hưởng đến các mối quan hệ trong quần thể như thế nào?**

- A. khi mật độ cá thể trong quần thể tăng quá cao, các cá thể cạnh tranh nhau gay gắt. Khi mật độ giảm, các cá thể trong quần thể tăng cường hỗ trợ lẫn nhau
- B. khi mật độ cá thể trong quần thể tăng quá cao, các cá thể ít cạnh tranh nhau. Khi mật độ giảm, các cá thể trong quần thể tăng cường hỗ trợ lẫn nhau
- C. khi mật độ cá thể trong quần thể tăng quá cao, các cá thể cạnh tranh nhau gay gắt. Khi mật độ giảm, các cá thể trong quần thể ít hỗ trợ lẫn nhau
- D. khi mật độ cá thể trong quần thể tăng quá cao, các cá thể ít cạnh tranh nhau. Khi mật độ giảm, các cá thể trong quần thể ít hỗ trợ lẫn nhau

**Câu 17. Tỷ lệ giới tính thay đổi chủ yếu**

- A. theo lứa tuổi của cá thể
- B. do nơi sinh sống
- C. do nhiệt độ môi trường
- D. do nguồn thức ăn

**Câu 18. Đặc trưng nào sau đây chi phối các đặc trưng khác nhau của quần thể**

- A. khả năng sinh sản
- B. mức tử vong của cá thể
- C. mật độ cá thể
- D. tỉ lệ đực cái

**Câu 19. Trong tháp tuổi của quần thể ổn định có**

- A. nhóm tuổi trước sinh sản bé hơn các nhóm tuổi còn lại
- B. nhóm tuổi trước sinh sản bằng nhóm tuổi sinh sản và lớn hơn nhóm sau sinh sản
- C. nhóm tuổi trước sinh sản lớn hơn các nhóm tuổi còn lại
- D. nhóm tuổi trước sinh sản chỉ lớn hơn nhóm tuổi sau sinh sản

**Câu 20. Ý nghĩa sinh thái của phân bố ngẫu nhiên là**

- A. làm tăng mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể
- B. sinh vật tận dụng được nguồn sống tiềm tàng trong môi trường
- C. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể

D. các cá thể hỗ trợ lẫn nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường

**Câu 21. Ý nghĩa sinh thái của phân bố đều là**

A. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể

B. làm tăng mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể

C. sinh vật tận dụng được nguồn sống tiềm tàng trong môi trường

D. các cá thể hỗ trợ lẫn nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường

**Câu 22. Trong tháp tuổi của quần thể già có**

A. nhóm tuổi trước sinh sản chỉ lớn hơn nhóm tuổi sau sinh sản

B. nhóm tuổi trước sinh sản bằng các nhóm tuổi còn lại

C. nhóm tuổi trước sinh sản lớn hơn các nhóm tuổi còn lại

D. nhóm tuổi trước sinh sản bé hơn các nhóm tuổi còn lại

**Câu 23. Trong tự nhiên, khi kích thước của quần thể giảm dưới mức tối thiểu thì**

A. quần thể dễ rơi vào trạng thái suy giảm dẫn tới diệt vong

B. khả năng sinh sản tăng do các cá thể đực, cái có nhiều cơ hội gặp nhau hơn

C. quần thể luôn có khả năng tự điều chỉnh trở về trạng thái cân bằng

D. quần thể không thể rơi vào trạng thái suy giảm và không bị diệt vong

**Câu 24. Điều không đúng về cơ chế tham gia điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể là**

A. sự thay đổi mức sinh sản và tử vong dưới tác động của nhân tố vô sinh và hữu sinh

B. sự cạnh tranh cùng loài và sự di cư của một bộ phận hay cả quần thể

C. sự điều chỉnh vật ăn thịt và vật kí sinh

D. tỉ lệ sinh tăng thì tỉ lệ tử giảm trong quần thể

**Câu 25. Điều nào không phải là nguyên nhân khi kích thước xuống dưới mức tối thiểu, quần thể dễ rơi vào trạng thái suy giảm dẫn tới diệt vong?**

A. số lượng cá thể trong quần thể quá ít, sự hỗ trợ giữa các cá thể bị giảm, quần thể không có khả năng chống chọi với những thay đổi của môi trường

B. khả năng sinh sản suy giảm do cơ hội tìm gặp của các cá thể đực với cá thể cái ít

C. số lượng cá thể quá ít nên sự giao phối cận huyết thường xảy ra, sẽ dẫn đến sự suy thoái của quần thể

D. mật độ cá thể bị thay đổi, làm giảm nhiều khả năng hỗ trợ về mặt dinh dưỡng giữa các cá thể trong quần thể

**Câu 26. Điều nào dưới đây không đúng với môi trường không bị giới hạn tạo cho quần thể có**

A. mức sinh sản của quần thể là tối đa

B. mức tử vong là tối đa

C. mức tăng trưởng là tối đa

D. mức tử vong là tối thiểu

**Câu 27. Kích thước của quần thể thay đổi, không phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?**

A. sức sinh sản

B. mức tử vong

C. cá thể nhập cư và xuất cư

D. tỉ lệ đực cái

**Câu 28. Kích thước quần thể không có khái niệm nào dưới đây?**

A. kích thước tối thiểu

B. kích thước tối ưu

C. kích thước đặc trưng

D. kích thước tối đa

**Câu 29. Tính chất nào sau đây không phải của kiểu tăng trưởng trong điều kiện môi trường bị giới hạn?**

A. sinh sản nhanh, sức sinh sản cao; mẫn cảm với sự biến động của các nhân tố vô sinh

B. kích thước cơ thể lớn, tuổi thọ cao, tuổi sinh sản lần đầu đến muộn

C. sinh sản chậm, sức sinh sản thấp, chịu tác động chủ yếu của các nhân tố hữu sinh

D. biết bảo vệ và chăm sóc con non rất tốt

**Câu 30. Điều nào không phải là nguyên nhân trực tiếp gây sự biến đổi số lượng của quần thể?**

A. mức xuất và nhập cư

B. mức sinh sản

C. mức tử vong

D. mức cạnh tranh

**Câu 31. Mức tử vong là**

A. số lượng cá thể của quần thể bị chết trong một đơn vị thời gian

B. số lượng cá thể của quần thể bị chết trong một đơn vị diện tích

C. số lượng cá thể của quần thể bị chết trong một đơn vị thể tích

D. số lượng cá thể của quần thể bị chết trong một lứa đẻ

**Câu 32. Nếu kích thước quần thể vượt quá giá trị tối đa thì đưa đến hậu quả gì?**

A. quần thể bị phân chia thành hai

B. một số cá thể di cư ra khỏi quần thể

C. một phần cá thể bị chết do dịch bệnh

D. phần lớn cá thể bị chết do cạnh tranh gay gắt

**Câu 33. Mức sinh sản không phụ thuộc vào yếu tố nào dưới đây?**

A. số lượng trứng (con non) của một lứa đẻ

B. số lứa đẻ của một cá thể cái trong đời, tuổi trưởng thành sinh dục của cá thể

C. tỉ lệ đực/cái của quần thể

D. sự phân bố cá thể của quần thể

**Câu 34. Dấu hiệu nào sau đây không phải là dấu hiệu đặc trưng của quần thể?**

A. Kiểu phân bố.

B. Tỷ lệ các nhóm tuổi.

C. Tỷ lệ đực cái.

D. Mối quan hệ giữa các cá thể.

**Câu 35. Kiểu phân bố theo nhóm của các cá thể trong quần thể động vật thường gặp khi**

A. điều kiện sống phân bố đồng đều, các cá thể có tính lãnh thổ cao.

B. điều kiện sống phân bố đồng đều, không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

C. điều kiện sống phân bố không đồng đều, các cá thể có xu hướng sống tụ họp với nhau (bầy đàn).

D. điều kiện sống phân bố không đồng đều, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

**Câu 36. Để xác định mật độ của một quần thể, người ta cần biết số lượng cá thể trong quần thể và**

A. các yếu tố giới hạn sự tăng trưởng của quần thể.

B. diện tích hoặc thể tích khu vực phân bố của chúng.

C. kiểu phân bố của các cá thể trong quần thể.

D. tỉ lệ sinh sản và tỉ lệ tử vong của quần thể.

**Câu 37. Những quần thể có kiểu tăng trưởng theo tiềm năng sinh học có các đặc điểm**

A. cá thể có kích thước nhỏ, sinh sản nhiều, đòi hỏi điều kiện chăm sóc ít.

B. cá thể có kích thước nhỏ, sinh sản ít, đòi hỏi điều kiện chăm sóc nhiều.

C. cá thể có kích thước lớn, sinh sản ít, sử dụng nhiều thức ăn.

D. cá thể có kích thước lớn, sử dụng nhiều thức ăn, tuổi thọ lớn.

**Câu 38. Kích thước tối thiểu của quần thể sinh vật là**

A. số lượng cá thể nhiều nhất mà quần thể có thể đạt được, cân bằng với sức chứa của môi trường.

B. số lượng cá thể ít nhất mà quần thể cần có để duy trì và phát triển.

C. số lượng cá thể ít nhất phân bố trong khoảng không gian của quần thể.

D. khoảng không gian nhỏ nhất mà quần thể cần có để tồn tại và phát triển.

**Câu 39. Khi nói về sự phân bố cá thể trong quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây không đúng?**

A. Phân bố đồng đều có ý nghĩa làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể.

B. Phân bố theo nhóm thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều trong môi trường, có sự

cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

C. Phân bố theo nhóm là kiểu phân bố phổ biến nhất, giúp các cá thể hỗ trợ nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường.

D. Phân bố ngẫu nhiên thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều trong môi trường và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

**Câu 40. Về phương diện lí thuyết, quần thể sinh vật tăng trưởng theo tiềm năng sinh học khi**

A. điều kiện môi trường bị giới hạn và không đồng nhất.

- B. mức độ sinh sản và mức độ tử vong xấp xỉ như nhau.
- C. điều kiện môi trường không bị giới hạn (môi trường lí tưởng).
- D mức độ sinh sản giảm và mức độ tử vong tăng.

**Câu 41. Trong điều kiện môi trường bị giới hạn, sự tăng trưởng kích thước của quần thể theo đường cong tăng trưởng thực tế có hình chữ S, ở giai đoạn ban đầu, số lượng cá thể tăng chậm. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng chậm số lượng cá thể là do**

- A. số lượng cá thể của quần thể đang cân bằng với sức chịu đựng (sức chứa) của môi trường.
- B. sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể diễn ra gay gắt.
- C. kích thước của quần thể còn nhỏ.
- D. nguồn sống của môi trường cạn kiệt.

**Câu 42. Trường hợp nào sau đây làm tăng kích thước của quần thể sinh vật?**

- A. Mức độ sinh sản tăng, mức độ tử vong giảm.
- B. Mức độ sinh sản và mức độ tử vong bằng nhau.
- C. Các cá thể trong quần thể không sinh sản và mức độ tử vong tăng.
- D. Mức độ sinh sản giảm, mức độ tử vong tăng.

**Câu 43. Sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể sinh vật sẽ làm cho**

- A. số lượng cá thể của quần thể giảm xuống dưới mức tối thiểu.
- B. mức độ sinh sản của quần thể giảm, quần thể bị diệt vong.
- C. số lượng cá thể của quần thể duy trì ở mức độ phù hợp với nguồn sống của môi trường.
- D. số lượng cá thể của quần thể tăng lên mức tối đa.

### **Bài 39: BIẾN ĐỘNG SỐ LƯỢNG CÁ THỂ CỦA QUẦN THỂ SINH VẬT**

**Câu 1. Biến động không theo chu kì về số lượng cá thể của quần thể là**

- A. sự tăng hoặc giảm một cách đột ngột do điều kiện bất thường của các nhân tố vô sinh của môi trường tạo nên
- B. sự tăng hoặc giảm một cách đột ngột do điều kiện bất thường của các nhân tố môi trường tạo nên
- C. sự tăng một cách đột ngột do điều kiện bất thường của các nhân tố môi trường tạo nên
- D. sự giảm một cách đột ngột do điều kiện bất thường của các nhân tố môi trường tạo nên

**Câu 2. Vì sao có sự biến động số lượng cá thể trong quần thể theo chu kì**

- A. do những thay đổi có chu kì trong điều kiện môi trường
- B. do sự sinh sản có tính chu kì
- C. do sự thay đổi thời tiết có tính chu kì
- D. do sự tăng giảm nguồn dinh dưỡng có tính chu kì

**Câu 3. Nhân tố vô sinh có ảnh hưởng rõ nhất đến sự biến động số lượng cá thể của quần thể là**

A. nhiệt độ

B. ánh sáng

C. độ ẩm

D. gió bão

**Câu 4. Điều nào không đúng đối với sự biến động số lượng có tính chu kì của các loài ở Việt Nam?**

A. sâu hại xuất hiện nhiều vào các mùa xuân hè

B. chim cu gáy thường xuất hiện nhiều vào thời gian thu hoạch lúa, ngô hàng năm

C. ếch nhái có nhiều vào mùa khô

D. muỗi thường có nhiều khi thời tiết ẩm áp và độ ẩm cao

**Câu 5. Những năm lũ về sớm thì nông dân vùng Đồng Tháp Mười thường không thu hoạch lúc kịp gây thiệt hại nặng. Đây là hình thức biến động**

A. không theo chu kì

B. theo chu kì mùa

C. theo chu kì năm

D. theo chu kì nhiều năm

**Câu 6. Cứ 4-5 năm thì dịch rầy nâu lại bùng phát gây hại cho lúa vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Đây là hình thức biến động**

A. không theo chu kì

B. theo chu kì mùa

C. theo chu kì năm

D. theo chu kì nhiều năm

**Câu 7. Sự biến động số lượng cá thể của quần thể cá cơm ở vùng biển Peru liên quan đến hoạt động của hiện tượng El - Nino là kiểu biến động**

A. theo chu kì mùa.

B. theo chu kì nhiều năm.

C. không theo chu kì.

D. theo chu kì tuần trăng.

**Câu 8. Cho các dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật sau:**

(1) Ở miền Bắc Việt Nam, số lượng bò sát giảm mạnh vào những năm có mùa đông giá rét, nhiệt

độ xuống dưới 8°C.

(2) Ở Việt Nam, vào mùa xuân và mùa hè có khí hậu ẩm áp, sâu hại xuất hiện nhiều.

(3) Số lượng cây tràm ở rừng U Minh Thượng giảm mạnh sau sự cố cháy rừng tháng 3 năm 2002.

(4) Hàng năm, chim cu gáy thường xuất hiện nhiều vào mùa thu hoạch lúa, ngô.

Những dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật theo chu kì là

A. (2) và (4).

B. (2) và (3).

C. (1) và (4).

D. (1) và (3).



**CHƯƠNG II: QUẦN XÃ SINH VẬT**  
**Bài 40: QUẦN XÃ SINH VẬT VÀ MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN**  
**CỦA QUẦN XÃ SINH VẬT**

**Câu 1. Quần xã là**

- A. một tập hợp các sinh vật cùng loài, cùng sống trong một khoảng không gian xác định
- B. một tập hợp các quần thể khác loài, cùng sống trong một khoảng không gian xác định, gắn bó với nhau như một thể thống nhất, thích nghi với môi trường sống
- C. một tập hợp các quần thể khác loài, cùng sống trong một khu vực, vào một thời điểm nhất định
- D. một tập hợp các quần thể khác loài, cùng sống trong một khoảng không gian xác định, vào một thời điểm nhất định

**Câu 2. Trong quần xã sinh vật đồng cỏ loài chiếm ưu thế là**

- A. cỏ bợ
- B. trâu bò
- C. sâu ăn cỏ
- D. bướm

**Câu 3. Loài ưu thế là loài có vai trò quan trọng trong quần xã do**

- A. số lượng cá thể nhiều
- B. sức sống mạnh, sinh khối lớn, hoạt động mạnh
- C. có khả năng tiêu diệt các loài khác
- D. số lượng cá thể nhiều, sinh khối lớn, hoạt động mạnh

**Câu 4. Các cây tràm ở rừng U Minh là loài**

- A. ưu thế
- B. đặc trưng
- C. đặc biệt
- D. có số lượng nhiều

**Câu 5. Các đặc trưng cơ bản của quần thể là**

- A. thành phần loài, tỉ lệ nhóm tuổi, mật độ
- B. độ phong phú, sự phân bố các cá thể trong quần xã
- C. thành phần loài, sức sinh sản và sự tử vong
- D. thành phần loài, sự phân bố các cá thể trong quần xã, quan hệ dinh dưỡng của các nhóm loài

**Câu 6. Các quần xã sinh vật vùng nhiệt đới có**

- A. sự phân tầng thẳng đứng
- B. đa dạng sinh học cao
- C. đa dạng sinh học thấp
- D. nhiều cây to và động vật lớn

**Câu 7. Mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã thể hiện**

- A. độ nhiều
- B. độ đa dạng
- C. độ thường gặp
- D. sự phổ biến

**Câu 8. Nguyên nhân dẫn tới sự phân tầng trong quần xã**

- A. để tăng khả năng sử dụng nguồn sống, do các loài có nhu cầu ánh sáng khác nhau

B. để tiết kiệm diện tích, do các loài có nhu cầu nhiệt khác nhau

C. để giảm sự cạnh tranh nguồn sống, tiết kiệm diện tích

D. do sự phân bố các nhân tố sinh thái không giống nhau, đồng thời mỗi loài thích nghi với các điều kiện sống khác nhau

**Câu 9. Nguyên nhân dẫn tới sự phân li ổ sinh thái của các loài trong quần xã là**

A. mỗi loài ăn một loại thức ăn khác nhau

B. mỗi loài kiếm ăn ở vị trí khác nhau

C. mỗi loài kiếm ăn vào một thời điểm khác nhau trong ngày

D. tất cả các khả năng trên

**Câu 10. Trong cùng một thủy vực, người ta thường nuôi ghép các loài cá mè trắng, mè hoa, trắm cỏ, trắm đen, rô phi, cá chép để**

A. thu được nhiều sản phẩm có giá trị khác nhau

B. tận dụng tối đa nguồn thức ăn có trong ao

C. thỏa mãn nhu cầu thị hiếu khác nhau của người tiêu thụ

D. mang tính đa dạng sinh học trong ao

**Câu 11. Sự phân bố của một loài trong quần xã thường phụ thuộc chủ yếu vào**

A. diện tích của quần xã

B. sự thay đổi do các quá trình tự nhiên

C. nhu cầu về nguồn sống

D. sự thay đổi do hoạt động của con người

**Câu 12. Quan hệ dinh dưỡng trong quần xã cho biết**

A. mức độ gần gũi giữa các cá thể trong quần xã

B. con đường trao đổi vật chất và năng lượng trong quần xã

C. nguồn thức ăn của các sinh vật tiêu thụ

D. mức độ tiêu thụ các chất hữu cơ của các sinh vật

**Câu 13. Quan hệ chặt chẽ giữa hai hay nhiều loài mà tất cả các loài tham gia đều có lợi là mối quan hệ**

A. cộng sinh

B. kí sinh

C. hội sinh

D. ức chế - cảm nhiễm

**Câu 14. Sự khác nhau cơ bản giữa mối quan hệ kí sinh và mối quan hệ sinh vật này với sinh vật khác (con mồi-vật ăn thịt) là**

A. vật kí sinh thường không giết chết vật chủ, còn vật ăn thịt thường giết chết con mồi

B. vật kí sinh thường có số lượng ít hơn vật chủ, còn vật ăn thịt thường có số lượng nhiều hơn con mồi

C. vật kí sinh thường có kích thước cơ thể lớn hơn vật chủ, còn vật ăn thịt thì luôn có kích thước cơ thể nhỏ hơn con mồi

D. trong thiên nhiên, mối quan hệ kí sinh – vật chủ đóng vai trò kiểm soát và khống chế số lượng cá thể của các loài, còn mối quan hệ vật ăn thịt – con mồi không có vai trò đó

**Câu 15. Vì sao loài ưu thế đóng vai trò quan trọng trong quần xã?**

- A. vì có số lượng cá thể nhiều, sinh khối lớn, hoạt động mạnh
- B. vì có số lượng cá thể nhiều, sinh khối lớn, có sức cạnh tranh mạnh
- C. vì tuy có số lượng cá thể nhỏ nhưng hoạt động mạnh
- D. vì tuy có sinh khối nhỏ nhưng hoạt động mạnh